Mã sinh viên	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Bản sao học bạ	Bản sao Bằng TNhPTTH	Bản sao GKSinh	Giấy cam kết PVN	Lý lịch HSSV
K36.103.003	Đinh Hoài	Anh	30/12/1992		X			
K36.103.005	Nguyễn Thị	Cẩm Hồng	20/10/1992		X			
K36.103.006	Trần Công	Châu	4/5/1992		X			
K36.103.007	Vũ Thị Thúy	Diễm	27/12/1992		X		X	
K36.103.008	Trần Thị	Diệu	7/23/1992		X			
K36.103.009	Ngô Đông	Dương	18/02/1992		X			
K36.103.010	Vũ Thị	Dung	12/16/1992		X			
K36.103.011	Phạm Quốc	Dũng	11/10/1992		X			
K36.103.012	Trần Thị Kim	Duyên	10/15/1992		X			
K36.103.013	Bùi Thị	Duyên	4/17/1992		X			
K36.103.014	Phạm Hà Trúc	Giang	21/08/1992		X			
K36.103.015	Nguyễn Đoàn Như	Hạnh	4/26/1992		X			
K36.103.016	Lại Hoàng	Hiệp	06/10/1992		X			
K36.103.018	Nguyễn Trung	Hưng	7/10/1992		X			

K36.103.019	Nguyễn Khánh	Hòa	20/11/92	X		
K36.103.020	Hoàng Thị	Hòa	19/02/92	X		
K36.103.021	Đặng Ngọc	Hùng	24/04/92	X		
K36.103.023	Phạm Thị Như	Huy	12/18/92	X		
K36.103.025	Chiêm Kinh	Kha	29/08/78	X		X
K36.103.026	Lê Anh	Khoa	1/19/2	X		
K36.103.027	Trang Nguyễn Đăng	Khuê	08/01/92	X		
K36.103.028	Lê Hoàng Tuấn	Kiệt	9/3/2	X		
K36.103.029	Đặng Thị	Kiều	6/6/2	X		
K36.103.031	Nguyễn Thị Mỹ	Lệ	9/27/2	X		
K36.103.032	Bùi Thị Ngọc	Linh	02/01/92	X		
K36.103.034	Tôn Thất	Lộc	20/10/92	X		
K36.103.036	Huỳnh Ngọc	Lụa	01/01/92	X		
K36.103.038	Lê Nguyễn Nhật	Minh	20/12/92	X		
K36.103.039	Trần Thông	Minh	01/08/91	X	X	X
K36.103.040	Phạm Thành	Đạt	2/22/2	X		
K36.103.n	Nguyễn	Nam	2/8/199	X		

.041	Thanh		2			
K36	Trần	Nga	9/13	X	X	
.103	Thị		/199			
.042	Thu		2			
K36	Nguyễ	Ngân	26/0	X		
.103	n Thùy		2/19			
.044			92			
K36	Nguyễ	Ngân	1/3/	X		
.103	n Thị		199			
.045	Lệ		2			
K36	Mai	Ngọc	7/2/	X		
.103	Hồng		199			
.047			2			
K36	Đinh	Ngọc	30/0	X		
.103	Thị		6/19			
.048			92			
K36	Phạm	Nguyê	11/6	X		
.103	Thị	n	/199			
.049	Kim		2			
K36	Lê	Nhân	199	X		
.103	Thành		2			
.051						
K36	Trần	Nhi	12/1	X		
.103	Thị		1/19			
.052	Yến		92			
K36	Nguyễ	Như	01/0	X		
.103	n Thị		6/19			
.053	Huỳnh		92			
K36	Trần	Ninh	02/1	X		
.103	Thị		0/19			
.054	Hồng		92			
K36	Ngô	Đông	01/0	X		
.103	Thị		6/19			
.055			92			
K36	Nguyễ	Đức	25/0	X	X	
.103	n Trần		2/19			
.056	Trọng		92			
K36	Nguyễ	Phong	6/15	X		
.103	n Vũ		/199			
.058	Hàn		2			
K36	Nguyễ	Phúc	10/1	X	X	
.103	n		0/19			
.060	Thanh		92			
K36	Phạm	Quý	08/0	X		
.103	Thị		2/19			
.064	Mai		92			
K36	Huỳnh	Quý	15/1		X	
.103	Thị		0/19			
.065			90			
K36	Trần	Tân	13/0	X	X	X

.103	Minh	5/19				
.067		92				
K36	Huỳnh Thanh	10/1	X			
.103	Ngọc	1/19				
.068	Kiều	92				
K36	Lê Thảo	02/0	X			
.103	Như	6/19				
.069		92				
K36	Nguyễ Thêm	8/12	X			
.103	n Thị	/199				
.070		2				
K36	Phan Thùy	3/16	X			
.103	Thị	/199				
.073	Thu	2				
K36	Nguyễ Thúy	2/24	X			
.103	n Thị	/199				
.074	Thanh	2				
K36	Hoàng Toản	01/1	X			
.103	Văn	0/19				
.075		92				
K36	Phạm Trâm	4/18	X			
.103	Thị	/199				
.076	Ngọc	2				
K36	Nguyễ Trang	1/21	X			
.103	n Ngọc	/199				
.078	Kim	2				
K36	Lý Lê Triển	10/2	X			
.103	Thế	2/19				
.080		92				
K36	Hoàng Triều	3/18	X			
.103	Văn	/199				
.081		2				
K36	Huỳnh Trúc	10/1	X			
.103	Phạm	1/19				
.085	Thanh	92				
K36	Châu Tú	6/14	X			
.103	Cẩm	/199				
.086		1				
K36	Đặng Uyên	6/22	X		X	
.103	Thị Tú	/199				
.088		2				
K36	Nguyễ Xuân	8/10	X			
.103	n Thị	/199				
.090	Thanh	2				
K36	Nguyễ Tuấn	25/1	X	X	X	X
.103	n Minh	2/19				
.092		89				